

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 63/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 04 – 7 – 2024  
V/v “Tranh chấp xin ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH CÀ MAU

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Cao Thị Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Thanh Liêm.

Bà Bùi Ngọc Dung.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ân Tình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 về “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Võ Thị T, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh C.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Thanh Nh, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã Đ, huyện N, tỉnh C.

**NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 4 năm 2024 nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày: Bà và ông Nguyễn Thanh Nh tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Đất Mũi, huyện N, tỉnh Cà Mau vào năm 2013. Thời gian vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi, tính tình không còn phù hợp, mặc dù đã được gia đình hai bên hàn gắn nhưng không mang lại kết

quả. Bà và ông Nh đã sống ly thân hơn 07 năm nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh Nh.

Về con chung: Bà và ông Nh có 02 người con chung tên Nguyễn Thanh Th, sinh ngày 02/5/2012 và Nguyễn Chí Đ, sinh ngày 30/8/2015. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ thu, nợ trả: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ông Nguyễn Thanh Nh đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông Nh vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa: Bà T có mặt vẫn bảo lưu quan điểm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bà Võ Thị T khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Thanh Nh, địa chỉ: Ấp K, xã Đ, huyện N, tỉnh C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Ông Nguyễn Thanh Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tuy nhiên ông Nh vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông Nh tại phiên tòa.

[2] Về hôn nhân: Bà Võ Thị T và ông Nguyễn Thanh Nh tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đất Mũi, huyện N, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 116 ngày 20/6/2013, do đó hôn nhân giữa bà T và ông Nh là hợp pháp. Bà T trình bày trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, đã được gia đình hai bên hàn gắn tuy nhiên vẫn không mang lại kết quả, ông bà đã sống ly thân với nhau hơn 07 năm nay. Ông Nh đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc bà T yêu cầu ly hôn nhưng không có ý kiến phản hồi. Xét thấy mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa bà T và ông Nh là thực tế có xảy ra. Mặt khác, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến ngày xét xử bà T và ông Nh vẫn không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng lại với nhau. Tại phiên tòa hôm nay, bà T vẫn cương quyết xin ly hôn với ông Nh. Xét thấy, hôn nhân của bà T và ông Nh đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị T đối với ông Nguyễn Thanh Nh theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà T và ông Nh có 02 người con chung tên Nguyễn Thanh Th, sinh ngày 02/5/2012 và Nguyễn Chí Đ, sinh ngày 30/8/2015. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ông Nh đã được Toà án thông báo về yêu cầu nuôi con của bà T tuy nhiên ông không có ý kiến phản hồi. Mặt khác, tại Đơn nguyện vọng ngày 30/5/2024 thì Nguyễn Thanh Th và Nguyễn Chí Đ có nguyện vọng được sống cùng với bà T. Xét thấy để đảm bảo sự phát triển bình thường về mọi mặt và theo nguyện vọng của các con nên cần giao Nguyễn Thanh Th và Nguyễn Chí Đ cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Ông Nh không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc con theo luật định. Phần cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Võ Thị T phải nộp 300.000 đồng. Bà T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0014976 ngày 23 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được chuyển thu.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị T, bà Võ Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Thanh Nh.

Về con chung: Giao 02 người con chung tên Nguyễn Thanh Th, sinh ngày 02/5/2012 và Nguyễn Chí Đ, sinh ngày 30/8/2015 cho bà Võ Thị T tiếp tục nuôi dưỡng. Phần cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu xem xét.

Ông Nh không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của bà T.

Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Võ Thị T phải nộp 300.000 đồng. Bà T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0014976 ngày 23 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Đ, huyện N;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Thị Dung**